

Số: 1975 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố 50 Tiêu chuẩn quốc gia sau đây:

- | | | |
|----|--------------------------------------|--|
| 1. | TCVN 4710:2018 | Sản phẩm chịu lửa - Gạch samốt |
| 2. | TCVN 6067:2018 | Xi măng poóc lăng bèn sulfat |
| 3. | TCVN 6416:2018 | Sản phẩm chịu lửa - Vữa samốt |
| 4. | TCVN 7218:2018 | Kính tấm xây dựng - Kính nổi - Yêu cầu kỹ thuật |
| 5. | TCVN 7219:2018 | Kính tấm xây dựng - Phương pháp xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan |
| 6. | TCVN 7364-1:2018 ISO 12543-1:2011 | Kính xây dựng - Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp - Phần 1: Định nghĩa và mô tả các vật liệu thành phần |
| 7. | TCVN 7364-2:2018 | Kính xây dựng - Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp - Phần 2: Kính dán an toàn nhiều lớp |
| 8. | TCVN 7364-3:2018 ISO 12543-3:2011 | Kính xây dựng - Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp - Phần 3: Kính dán nhiều lớp |
| 9. | TCVN 7364-4:2018 ISO 12543-4:2011 | Kính xây dựng - Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp - Phần 4: Phương pháp thử độ bền |



10. TCVN 7364-5:2018
ISO 12543-5:2011 Kính xây dựng - Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp - Phần 5: Kích thước và hoàn thiện cạnh
11. TCVN 7364-6:2018
ISO 12543-6:2011 Kính xây dựng - Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp - Phần 6: Ngoại quan
12. TCVN 7572-21:2018 Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 21 - Xác định chỉ số methylen xanh
13. TCVN 7572-22:2018 Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 22 - Xác định độ ổn định của cốt liệu bằng cách sử dụng natri sunfat hoặc magnesi sunfat
14. TCVN 10685-2:2018
ISO 1927-2:2012 Vật liệu chịu lửa không định hình - Phần 2: Lấy mẫu thử
15. TCVN 10685-3:2018
ISO 1927-3:2012 Vật liệu chịu lửa không định hình - Phần 3: Đặc tính khi nhận mẫu
16. TCVN 10685-4:2018
ISO 1927-4:2012 Vật liệu chịu lửa không định hình - Phần 4: Xác định độ lưu động của hỗn hợp bê tông chịu lửa
17. TCVN 10685-5:2018
ISO 1927-5:2012 Vật liệu chịu lửa không định hình - Phần 5: Chuẩn bị và xử lý viên mẫu thử
18. TCVN 10685-6:2018
ISO 1927-6:2012 Vật liệu chịu lửa không định hình - Phần 6: Xác định các tính chất cơ lý
19. TCVN 11860:2018 Tro xỉ nhiệt điện - Phương pháp xác định hàm lượng vôi tự do
20. TCVN 11861:2018 Nguyên liệu tự nhiên cho sản xuất xi măng và gốm sứ - Xác định hàm lượng silicon dioxide dạng quartz bằng phương pháp khối lượng
21. TCVN 11914-1:2018
ISO 10081-1:2003 Phân loại sản phẩm chịu lửa định hình sét đặc - Phần 1: Sản phẩm Alumina-silica
22. TCVN 11914-2:2018
ISO 10081-2:2003 Phân loại sản phẩm chịu lửa định hình sét đặc - Phần 2: Sản phẩm kiềm tính chứa hàm lượng carbon dư nhỏ hơn 7%
23. TCVN 11914-3:2018
ISO 10081-3:2003 Phân loại sản phẩm chịu lửa định hình sét đặc - Phần 3: Sản phẩm kiềm tính chứa hàm lượng carbon dư từ 7% đến 50%
24. TCVN 11914-4:2018
ISO 10081-4:2014 Phân loại sản phẩm chịu lửa định hình sét đặc - Phần 4: Sản phẩm đặc biệt
25. TCVN 11915:2018 Vật liệu chịu lửa không định hình - Bê tông chịu lửa sa mốt và cao alumin

26. TCVN 11916-1:2018
ISO 13765-1:2004 Vữa chịu lửa - Phần 1: Xác định độ lưu động bằng phương pháp xuyên côn
27. TCVN 11916-2:2018
ISO 13765-2:2004 Vữa chịu lửa - Phần 2: Xác định độ lưu động bằng phương pháp bàn dần
28. TCVN 11916-3:2018
ISO 13765-3:2004 Vữa chịu lửa - Phần 3: Xác định độ ổn định mạch
29. TCVN 11916-4:2018
ISO 13765-4:2004 Vữa chịu lửa - Phần 4: Xác định cường độ bám dính khi uốn
30. TCVN 11935-1:2018
EN 927-1:2013 Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất - Phần 1: Phân loại và lựa chọn
31. TCVN 11935-2:2018
EN 927-2:2014 Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất - Phần 2: Yêu cầu chất lượng
32. TCVN 11935-3:2018
EN 927-3:2012 Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất - Phần 3: Phép thử thời tiết tự nhiên
33. TCVN 11935-5:2018
EN 927-5:2006 Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất - Phần 5: Đánh giá độ thấm nước dạng lỏng
34. TCVN 11935-6:2018
EN 927-6:2006 Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất - Phần 6: Phép thử thời tiết nhân tạo bằng cách phối mẫu sử dụng đèn huỳnh quang UV và nước
35. TCVN 11943:2018
ISO 14486:2012 Ván lát sàn nhiều lớp - Yêu cầu kỹ thuật
36. TCVN 11944:2018
ISO 24337:2006 Ván lát sàn nhiều lớp - Xác định đặc trưng hình học
37. TCVN 11945-1:2018
ISO 24343-1:2007 Ván lát sàn nhiều lớp và loại đàn hồi - Xác định độ ấn lõm và vết lõm lưu lại - Phần 1: Vết lõm lưu lại
38. TCVN 11946:2018
ISO 10874:2009 Ván lát sàn nhiều lớp, loại đàn hồi và loại dẹt - Phân loại
39. TCVN 11947:2018
ISO 24338:2014 Ván lát sàn nhiều lớp - Xác định độ bền mài mòn
40. TCVN 11948:2018
ISO 4918:2016 Ván lát sàn nhiều lớp, loại đàn hồi và loại dẹt - Xác định độ bền chịu tác động của bánh xe chân ghé
41. TCVN 11949:2018
ISO 24335:2006 Ván lát sàn nhiều lớp - Xác định độ bền va đập
42. TCVN 11950:2018
ISO 24336:2005 Ván lát sàn nhiều lớp - Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm một phần trong nước

- | | | |
|-----|--------------------------------------|--|
| 43. | TCVN 11951:2018 ISO 24339:2006 | Ván lát sàn nhiều lớp và loại dệt - Xác định sự thay đổi kích thước sau khi phơi nhiễm trong điều kiện khí hậu ẩm và khô |
| 44. | TCVN 11952:2018 ISO 24334:2014 | Ván lát sàn nhiều lớp - Xác định độ bền môi ghép nối cơ học |
| 45. | TCVN 11968:2018 | Bột nhôm dùng để sản xuất bê tông khí - Yêu cầu kỹ thuật |
| 46. | TCVN 11969:2018 | Cốt liệu lớn tái chế cho bê tông |
| 47. | TCVN 11970:2018 | Xi măng - Xác định nhiệt thủy hóa theo phương pháp bán đoạn nhiệt |
| 48. | TCVN 11971:2018 | Vữa chèn cấp dự ứng lực |
| 49. | TCVN 12003:2018 | Xi măng phương pháp xác định độ nở thanh vữa trong môi trường nước |
| 50. | TCVN 12004-2:2018 ISO 8894-2:2007 | Vật liệu chịu lửa - Xác định độ dẫn nhiệt - Phần 2: Phương pháp dây nóng (song song) |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Vụ PC;
- Lưu: VT, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn Tùng